TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CÁI RĂNG** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2023/DS - ST
Ngày: 22/5/2023
V/v ***"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

2/ Bà **Lê Thị Tuyết Mai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc –** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023. Về *"tranh* chấp *hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Minh T,** sinh năm 1953

Địa chỉ: số 303, H Q V, KV. 5, P. A K, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H,** sinh năm 1981

Địa chỉ: Số A9-12, KDC T T, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ (đường số 8, KDC Hoàng Quân). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2022 và bản tự khai nguyên đơn Lê Minh T trình bày:

Trước đây do mối quan hệ quen biết nên ngày 22/12/2020 nguyên đơn cho ông Nguyễn Thanh H vay 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), có ký Hợp đồng vay tiền cùng ngày công chứng số 1140, quyển số 02/2020 TP/CC-

SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hà Thanh Hải. Theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/12/2020 thì các bên có thỏa thuận thời hạn vay là 08 tháng và lãi suất theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, đến hạn trả lãi hàng tháng và trả nợ gốc thì phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng không có kết quả. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 102.576.000 đồng, trong đó nợ gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 08/7/2022 là 22.576.000 đồng và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi cho đến khi xét xử xong theo lãi suất là 1,66%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần ông Nguyễn Thanh H đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể vào các ngày 20/3/2023 và ngày 14/4/2023 nhưng ông Nguyễn Thanh H vẫn vắng mặt mà không có lý do. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi tính từ khi vay ngày 22/12/2020 đến ngày xét xử 22/5/2023 theo qui định của pháp luật là 1,66%/năm. Yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn Nguyễn Thanh H vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng phát biểu quan điểm:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- **Về việc giải quyết vụ án**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nội dung cụ thể được trình bày tại Bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa (kèm theo hồ sơ).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Việc vay mượn tiền giữa các đương sự được lập bằng văn bản là Hợp đồng vay tiền ngày 22/12/2020 bản gốc (BL 9-10) thể hiện bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thoả thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thoả thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26,

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông Hùng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án tiến hành thông báo nhắn tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng và Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần ông Nguyễn Thanh H đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Hùng vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do đó, theo Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ những chứng cứ đã thu thập, có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về số nợ gốc, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn luôn vắng mặt. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là Hợp đồng vay tiền ngày 22/12/2020 bản gốc (BL 9-10) do phía nguyên đơn cung cấp, thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), có chữ ký xác nhận của bị đơn và được công chứng số 1140, quyển số 02/2020 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hà Thanh Hải. Cho nên đủ cơ sở kết luận ông Nguyễn Thanh H có vay và nợ nguyên đơn số tiền như trên. Phía bị đơn đã được hưởng quyền sở hữu tài sản vay đầy đủ nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình kéo dài thời gian. Nên yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền **80.000.000 đồng** (Tám mươi triệu đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất: nguyên đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất và yêu cầu bị đơn trả lãi suất 1,66%/tháng nhưng theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/12/2020 bản gốc (BL 9-10) chỉ thể hiện số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất do hai bên thỏa thuận theo qui định lãi suất của Ngân hàng Nhà nước chứ không xác định rõ mức lãi suất cụ thể. Nên xem đây là trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi theo Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự. Trường hợp không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất theo qui định là 50%(20%/năm) tức **0,83%/tháng.**

Căn cứ theo khoản 2 Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả các khoản lãi bao gồm: Lãi trên nợ gốc trong hạn (tức 8 tháng), lãi trên nợ lãi trong hạn (8 tháng) và Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn (Từ ngày hết hạn vay tiền 22/8/2021 đến ngày xét xử 22/5/2023 là **21 tháng** 00 ngày. Nên tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Lãi trên nợ gốc trong hạn: 80.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 8 tháng = 5.312.000 đồng.

Lãi trên nợ lãi trong hạn: 5.312.000 đồng x 0,83%/tháng x 8 tháng = 352.000 đồng.

Lãi trên nợ gốc quá hạn: 80.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 150% x 21 tháng = 20.916.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là **26.580.000 đồng** (Hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

[6] Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bị đơn Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Lê Minh T tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 80.000.000 đồng + 26.580.000 đồng = **106.580.000 đồng** (Một trăm lẽ sáu triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về chi phí thông báo nhắn tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng (theo Hóa đơn GTGT số 114 ngày 27/3/2023 và số 15 ngày 07/4/2023): Số tiền là 780.000 đồng + 1.980.000 đồng = 2.760.000 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) do nguyên đơn đã tạm ứng nên bị đơn Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn trong giai đoạn thi hành án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn Nguyễn Thanh H phải chịu toàn bộ án phí là 5% (80.000.000 đồng + 26.580.000 đồng) = 5.329.000 đồng (Năm triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 207, **227**, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Điều 463, 470, 466, 468, 470 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của ông **Lê Minh T**. Buộc ông **Nguyễn Thanh H** có nghĩa vụ trả cho ông Lê Minh T số nợ gốc 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và nợ lãi 26.580.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng), tổng cộng là **106.580.000 đồng** (Một trăm lẽ sáu triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về chi phí thông báo nhắn tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: Bị đơn Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 2.760.000 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) cho nguyên đơn Lê Minh T trong giai đoạn thi hành án.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn **Nguyễn Thanh H** phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là **5.329.000 đồng** (Năm triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

- Nguyên đơn **Lê Minh T** là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên các đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án ông **Nguyễn Thanh H** được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Mỹ Nhung

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.